

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 2686 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 02 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (Nhà máy điện gió số 6)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 2237/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 28/9/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất (sau đây gọi chung là hệ số) và giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (Nhà máy điện gió số 6); cụ thể như sau:

1. Vị trí, diện tích thu hồi

a) Vị trí thu hồi đất: Trên địa bàn xã Vĩnh Hải, xã Lạc Hòa và Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

b) Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi: Khoảng 17.692,6 m².

2. Loại đất, giá đất cụ thể và hệ số

a) Đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn

Stt	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Hệ số
		Từ	Đến		
I	Đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		1.313.000	1,313
2	Lộ vào Khu du lịch Hồ Bể	Giáp đất bà Lý Thị Vuông	Hồ Bể	313.000	1,043
3	Lộ bà Len	Từ ngã tư chợ Vĩnh Hải về hướng Bắc đến ngã ba Huyện lộ 43, hướng Nam đến lộ đal		656.000	1,093
4	Lộ đal Âu Thọ A	Toàn tuyến		468.000	1,170
5	Đường đal	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		261.000	1,044
6	Đất ở còn lại trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		150.000	1,000
II	Đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu				
1	Đường đal	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		261.000	1,044
2	Đất ở còn lại trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		150.000	1,000
III	Đất ở tại đô thị trên địa bàn Phường 2, thị xã Vĩnh Châu				
1	Huyện lộ 48	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		1.196.000	1,329
2	Đường đal	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		300.000	1,200
3	Đất ở còn lại trên địa bàn phường	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		241.000	1,205
IV	<p>* Giá đất ở tại các Mục I, II và III nêu trên (trừ vị trí đất ở còn lại trên địa bàn xã, phường) áp dụng đối với các thửa đất có vị trí tiếp giáp các tuyến lộ giao thông trong phạm vi thâm hậu 30 mét tính từ mép lộ giới; đối với các vị trí thâm hậu trên 30 mét, giá đất ở được xác định như sau:</p> <p>- Giá đất tại vị trí thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70 tính từ mép lộ giới được tính bằng 50% giá đất mặt tiền, nhưng không thấp hơn</p>				

<p>241.000 đồng/m² đối với đất ở tại đô thị và không thấp hơn 150.000 đồng/m² đối với đất ở tại nông thôn.</p> <p>- Giá đất tại vị trí thâm hậu từ mét thứ trên 70 trở lên tính từ mép lộ giới được tính bằng 25% giá đất mặt tiền, nhưng không thấp hơn 241.000 đồng/m² đối với đất ở tại đô thị và không thấp hơn 150.000 đồng/m² đối với đất ở tại nông thôn.</p> <p>* Giá đất ở đối với các thửa đất tiếp giáp 02 mặt tiền đường được xác định là giá đất ở tính theo tuyến đường có mức giá cao hơn và nhân với hệ số 1,2 (trừ trường hợp thửa đất giáp hẻm).</p>
--

b) Đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở)

Giá đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) được xác định trên cơ sở giá đất ở (giá đất cụ thể) cùng khu vực, tuyến đường, vị trí nhân với tỷ lệ phần trăm (%) được quy định theo từng loại đất tại Phụ lục 6 kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024.

c) Đất nông nghiệp

Stt	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Hệ số
		Từ	Đến		
I	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		430.000	2,867
2	Lộ vào Khu du lịch Hồ Bể	Giáp đất bà Lý Thị Vuông	Hồ Bể	128.000	2,844
3	Lộ bà Len	Từ ngã tư chợ Vĩnh Hải về hướng Bắc đến ngã ba Huyện lộ 43, hướng Nam đến lộ đal		258.000	2,867
4	Lộ đal Âu Thọ A	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		172.000	2,867
5	Đường đal	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		58.500	1,300
6	Đất nông nghiệp thuộc khu vực đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		58.500	1,300

7	Đất trồng cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án	58.500	1,300
8	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối còn lại trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án	52.000	1,300
II Xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu				
1	Đường đal	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án	58.500	1,300
2	Đất nông nghiệp thuộc khu vực đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án	58.500	1,300
3	Đất trồng cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án	58.500	1,300
4	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối còn lại trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án	52.000	1,300
III Phường 2, thị xã Vĩnh Châu				
1	Huyện lộ 48	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án	388.000	2,874
2	Đường đal	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án	80.000	1,333
3	Đất nông nghiệp thuộc khu vực đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn Phường	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án	80.000	1,333
4	Đất trồng cây lâu năm còn lại trên địa bàn phường	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án	61.000	1,356
5	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối còn lại trên địa bàn phường	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án	54.000	1,350

IV	<p>Giá đất nông nghiệp tại các Mục I, II và III nêu trên (trừ vị trí đất thuộc khu vực đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn xã, phường và vị trí còn lại) áp dụng đối với các thửa đất có vị trí tiếp giáp đường giao thông trong phạm vi lộ giới và trong phạm vi thâm hậu 30 mét tính từ mép lộ giới. Đối với các vị trí thâm hậu trên 30 mét, giá đất nông nghiệp được tính như sau: Giá đất tại vị trí thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70 tính từ mép lộ giới được tính bằng 50% giá đất mặt tiền, nhưng không thấp hơn 80.000 đồng/m² đối với đất nông nghiệp trên địa bàn Phường 2 và không thấp hơn 58.500 đồng/m² đối với đất nông nghiệp tại các xã Vĩnh Hải, xã Lạc Hòa</p>
-----------	---

Điều 2. Căn cứ hệ số và giá đất cụ thể được phê duyệt, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu có trách nhiệm triển khai các thủ tục tiếp theo để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký: *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TN&MT TXVC;
- Công TTĐT tỉnh
- Lưu: VT, KT. *ASMC*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiếu